



# Vaya Flood LP

BCP432 4000 100-240 20 CE CQC PSE

Góc chùm sáng trung bình 20°

Vaya Flood LP (gen2) là giải pháp đèn pha LED tin cậy và tiết kiệm để sử dụng trong nhà cũng như ngoài trời, giảm thiểu vốn đầu tư ban đầu, đồng thời mang lại sự linh hoạt tuyệt vời trong việc tạo ra hiệu ứng chiếu xa, chiếu hắt tường góc rộng và chiếu sáng tạo điểm nhấn bắt mắt. Nhiều lựa chọn góc chùm sáng và màu sắc đa dạng cho phép bạn biến các công trình trở thành những thực thể sống động với màu sắc tĩnh hoặc thay đổi linh hoạt. Khả năng chiếu xa mở rộng và hiệu quả cao chính là điểm mang lại sự khác biệt cho bộ đèn nhỏ gọn và mạnh mẽ này. Công suất tích hợp và góc nghiêng có thể điều chỉnh khiến cho sản phẩm này linh hoạt và dễ sử dụng.

## Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                  |                               |
|----------------------------------|-------------------------------|
| Mã dòng bóng đèn                 | LED-HB [ LED High Brightness] |
| Màu sắc nguồn sáng               | Trắng trung tính              |
| Nguồn sáng có thể thay thế       | Không                         |
| Bao gồm bộ điều khiển            | Có                            |
| Kiểu nắp quang học/thấu kính     | Kính cường lực                |
| Độ mở rộng chùm ánh sáng của đèn | 20°                           |
| Cấp bảo vệ IEC                   | Cấp an toàn I                 |
| Dấu CE                           | Ký hiệu CE                    |
| Dấu CQC                          | Ký hiệu CQC                   |
| Loại chóa quang học ngoài trời   | Góc chùm sáng trung bình 20°  |
| Dấu PSE                          | Ký hiệu PSE                   |
| Góc                              | 20°                           |

## Thông số vận hành và điện

|                 |               |
|-----------------|---------------|
| Điện áp đầu vào | 100 đến 240 V |
|-----------------|---------------|

|                |              |
|----------------|--------------|
| Tần số đầu vào | 50 đến 60 Hz |
|----------------|--------------|

## Điều khiển và thay đổi độ sáng

|                           |    |
|---------------------------|----|
| Có thể điều chỉnh độ sáng | Có |
|---------------------------|----|

## Cơ khí và bộ vỏ

|                                        |                |
|----------------------------------------|----------------|
| Vật liệu vỏ đèn                        | Nhôm đúc       |
| Vật liệu chóa quang học                | Kính           |
| Vật liệu nắp quang học/thấu kính       | Kính cường lực |
| Hình dạng nắp quang học/thấu kính      | Đẹt            |
| Lớp hoàn thiện nắp quang học/thấu kính | Trong suốt     |
| Màu sắc                                | Ghi sẫm        |

## Phê duyệt và Ứng dụng

|                                |                                            |
|--------------------------------|--------------------------------------------|
| Mã bảo vệ chống xâm nhập       | IP66 [ Chống bụi xâm nhập, chống tia nước] |
| Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học | IK06 [ 1 J]                                |

Vaya Flood LP

|                                                       |                            |
|-------------------------------------------------------|----------------------------|
| Độ rung tiêu chuẩn                                    | Complies with ANSI C136.31 |
|                                                       | Complies with ANSI C136.31 |
| Hiệu năng ban đầu (tuần thử IEC)                      |                            |
| Quang thông ban đầu (quang thông hệ thống)            | 3688 lm                    |
| Quang thông ban đầu tại nhiệt độ màu 4000 K           | 3688 lm                    |
| Hiệu suất đèn LED ban đầu                             | 87,9 lm/W                  |
| Nhiệt độ màu tương quan ban đầu                       | 4000 K                     |
| Chỉ số hoàn màu ban đầu                               | 82                         |
| Công suất đầu vào ban đầu                             | 44 W                       |
| Vận hành ngoài giờ (tuần thử IEC)                     |                            |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 25°C theo tính toán | 71000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 25°C theo báo cáo   | 60000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 40°C theo tính toán | 71000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 40°C theo báo cáo   | 60000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 80% tại 25°C theo tính toán | 45000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 80% tại 25°C theo báo cáo   | 45000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 80% tại 40°C theo tính toán | 45000                      |
| Hệ số duy trì quang thông 80% tại 40°C theo báo cáo   | 45000                      |

|                                                       |       |
|-------------------------------------------------------|-------|
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 25°C theo tính toán | 23000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 25°C theo báo cáo   | 23000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 40°C theo tính toán | 23000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 40°C theo báo cáo   | 23000 |

Điều kiện ứng dụng

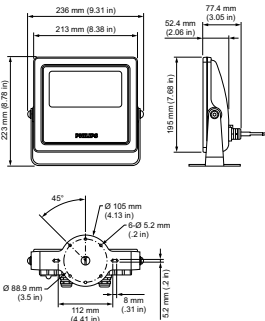
|                              |                |
|------------------------------|----------------|
| Nhiệt độ môi trường cho phép | -40 đến +40 °C |
|------------------------------|----------------|

Thông số sản phẩm

|                                    |                                   |
|------------------------------------|-----------------------------------|
| Mã sản phẩm đầy đủ                 | 871829164740999                   |
| Tên sản phẩm khác                  | BCP432 4000 100-240 20 CE CQC PSE |
| EAN/UPC - Sản phẩm                 | 8718291647409                     |
| Mã đơn hàng                        | 912400133934                      |
| Phần tử SAP - Số lượng trên một bộ | 1                                 |
| Phần tử SAP - Số bộ bên ngoài      | 4                                 |
| Số vật liệu (12 chữ số)            | 912400133934                      |
| Trọng lượng tịnh SAP (Bộ)          | 2,770 kg                          |



Bản vẽ kích thước



Vaya

